TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày 15 - 01 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Duy Trâm;

2. Ông Bùi Ngọc Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L.

- Đại diện VKSND huyện D, tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, giữa:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị B; sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn S; địa chỉ: đường P, Tổ M, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Văn bản ủy quyền ngày 20/4/2020. Có mặt

Bị đơn: Ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị G; địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện D, tỉnh L. Bà G có mặt, ông Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2020 của bà Vũ Thị B, lời khai trong quá trình tố tụng của người đại diện ông Đinh Văn S có nội dung: Từ ngày 14/01/2009 đến ngày 24/02/2009, vợ chồng ông Đ, bà G nhiều lần chốt giá bán cà phê nhân Robusta loại 15% độ ẩm, 1,5% tạp chất, 5% hạt đen vỡ cho bà B. Cụ thể: Ngày 24/01/2009 bán 300 kg; ngày 01/02/2009 bán 400 kg; ngày 04/02/2009 bán 200 kg; ngày 22/02/2009 bán 486 kg; ngày 24/02/2009 bán 1.500 kg; ngày 14/01/2010 bán 01 lần 200 kg và 01 lần 130kg. Tất cả những lần thỏa thuận bán cà phê nêu trên, ông Đ, bà G đều đã nhận đủ tiền nhưng chưa giao cà phê cho bà B. Đến ngày 25/3/2010 trả được 556,7 kg cà phê; ngày 10/4 năm 2010 âm lịch trả được 1.100,3kg cà phê. Số cà phê còn nợ là 1.559 kg.

Do đến nay ông Đ, bà G vẫn không giao trả cà phê còn nợ. Vì vậy bà B khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà G trả 1.559 kg cà phê nhân Robusta, loại 15% độ ẩm; 1,5% tạp chất; 5% loại đen vỡ. Chứng cứ để chứng minh là bản chính một tài liệu viết tay ghi chép việc mua bán cà phê.

Bị đơn bà Phạm Thị G trình bày: Công nhận vợ chồng tôi (Đ, G) có nhiều lần ứng tiền để bán cà phê cho bà B và còn nợ bà B 1.559 kg cà phê nhân Robusta. Nay đồng ý trả cho bà B 1.559 kg cà phê nhân, loại cà phê Robusta 15% độ ẩm; 1,5% tạp chất; 5% loại đen vỡ nhưng đề nghị được trả dần trong 02 năm.

Đồng bị đơn ông Lê Văn Đ đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 1.559 kg cà phê nhân, loại cà phê Robusta 15% độ ẩm, 1,5% tạp chất, 5% hạt đen vỡ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Lê Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Cần căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[2] Đối chiếu lời khai của đại diện nguyên đơn và lời khai của đồng bị đơn bà Phạm Thị G với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có cơ sở xác định: Trong năm 2009 và năm 2010, vợ chồng ông Đ, bà G nhiều lần thỏa thuận bán cà phê nhân Robusta cho bà B theo phương thức nhận tiền trước, giao hàng sau. Đến thời điểm hiện nay, vợ chồng ông Đ, bà G còn nợ bà B 1.559 kg cà phê nhân Robusta là đúng sự thật. Nay bà G đồng ý trả cho bà B số cà phê còn nợ nhưng đề nghị được trả dần trong 02 năm, do ông Đ vắng mặt trong quá trình tố tụng nên các bên không thỏa thuận được với nhau. Vì vậy, cần áp dụng các Điều 428, 430, 431, 432, 435 của Bộ luật dân sự năm 2005. Buộc ông Đ, bà G phải giao cho bà B 1.559 kg cà phê nhân Robusta loại 15% độ ẩm; 1,5% tạp chất; 5% loại đen vỡ là phù hợp.

[3] Về án phí: Ông Đ và bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên trị giá tài sản phải trả cho bà B theo giá thị trường tại thời điểm xét xử với số tiền án phí là: (1.559 kg cà phê nhân x 31.500 đồng/kg) x 5% = 2.455.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 144, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 428, 430, 431, 432, 435 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị B về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc bà Phạm Thị G và ông Lê Văn Đ phải giao trả cho bà Vũ Thị B 1.559 kg cà phê nhân, loại cà phê Robusta 15% độ ẩm; 1,5% tạp chất; 5% loại đen vỡ.

2. Buộc bà Phạm Thị G và ông Lê Văn Đ phải chịu 2.455.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Vũ Thị B 1.169.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2017/0001510 ngày 20/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện D;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Sỹ